

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/9/2022  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;
  2. Bà Nguyễn Thị Ly.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 551/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1987; địa chỉ: số A, tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; có mặt.

***Bị đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: số B, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày, qua mai mối, bà C và ông Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 09/01/2009. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 16/8/2008. Hiện tại, cháu Q đang được ông T chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà C và ông T sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ. Bà C có khuyên can nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay và không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T; đồng ý để ông T được tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thảo Q, bà C không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, ngày 09/01/2009 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Văn T (bản sao); Giấy khai sinh số 12, ngày 09/01/2009 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho Trần Thị Thảo Q (bản sao);

- Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà C và ông T kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà C, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ, con. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu ly hôn với ông T.

Xét thấy, vợ chồng mâu thuẫn từ việc bất đồng quan điểm sống; ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ, con, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cháu Q cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, do bà C không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T; ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thảo Q; bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Bà C và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà C xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ. Bà C, ông T không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà C và ông T thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà C. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà C, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà C xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 16/8/2008. Bà C đồng ý để ông T được tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q; bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Bên cạnh đó, theo biên bản xác minh ngày 27/7/2022, cháu Q có nguyện vọng sống cùng ông T trong trường hợp ông T, bà C ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Q nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyền số 01, ngày 09/01/2009 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 16/8/2008. Bà Nguyễn Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Trần Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Kim C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

### 3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004748 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 14 tháng 6 năm 2022; bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**